

Số: 04/2022/HS-ST

Ngày: 01/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang
Bà Đặng Thị Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Thiết - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS, ngày 07/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS, ngày 15/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Phúc S, sinh ngày 16/9/2000, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp AT, xã AB, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Đặng Thị R; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

Tiền sự: 01 lần, vào ngày 08/10/2020 bị Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Vĩnh Long xử phạt 15.000.000đ về hành vi khai thác cát sông trái phép và đã nộp phạt vào ngày 09/10/2020.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị T** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Địa chỉ: Số 126/10, NH, Phường T, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1981 (có mặt)

+ **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp PT3, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

+ **Nguyễn Thành K**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp AH, xã BK, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/10/2021, bị cáo Nguyễn Phúc S cùng Nguyễn Thành T (anh ruột S) và chị Nguyễn Thị T (vợ T) điều khiển sà lan biển kiểm soát số BTr-7673 từ bãi neo đậu tại xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long chạy ra hướng sông Tiền để khai thác cát sông. Khoảng 19 giờ 30 phút, anh T điều khiển sà lan đến khu vực Vàm Cái Muối thuộc xã BHP neo đậu lại. Sau đó, thấy có nhiều sà lan khác đang hút cát nên T kêu bị cáo S kéo neo lên và điều khiển sà lan đi thêm khoảng 100 mét thì neo đậu lại, bị can S thả neo, thả ống hút cát xuống sông, theo dõi nước làm mát máy, T điều khiển máy hút cát sông lên sà lan, còn chị T ở trong khoang máy phía sau không tham gia vào việc hút cát. Khi hút cát được hơn 01 giờ đồng hồ thì anh T thấy lực lượng chức năng tuần tra nên bị cáo S kéo neo lên, anh T kéo ống hút lên và điều khiển sà lan bỏ chạy về hướng xã ĐP, tuy nhiên đã bị lực lượng chức năng đuổi kịp, yêu cầu dừng lại kiểm tra và quay lại vị trí khai thác cát sông để lập biên bản.

Qua kiểm tra, do không xuất trình giấy phép khai thác cát sông nên bị cáo S, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T đã bị lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản xác định khối lượng cát khai thác trái phép là $37,5 \text{ m}^3$, lập biên bản việc thu mẫu cát phục vụ công tác giám định, xác định vị trí khai thác cát sông trái phép tại vị trí tọa độ X = 1139249; Y = 0557595 thuộc thủy phận áp BH2, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Tổ công tác thuộc Ủy ban nhân dân huyện LH đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với anh T và bị cáo S, đồng thời tạm giữ tang vật, phương tiện công cụ vi phạm đã qua sử dụng gồm: Cát khai thác trái phép là $37,5 \text{ m}^3$; Sà lan mang biển kiểm soát số BTr-7673 và cùng các dụng cụ bơm hút (ống nhựa, động cơ dùng bơm hút, ống sắt).

Sau khi xác định có dấu hiệu tội phạm, Phòng cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Vĩnh Long chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật, phương tiện, công cụ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long để xử lý theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định ngày 02/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long kết luận đối với mẫu cát thu giữ ngày 04/10/2021 do bị cáo Nguyễn Phúc S khai thác tại tọa độ X = 1139249; Y = 0557595 thuộc thủy phận áp BH2, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản là cát.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự kết luận: $37,5 \text{ m}^3$ cát sông trị giá 2.250.000đ (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo Văn bản số 3874/STNMT ngày 05/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Không cấp giấy phép khai thác khoáng sản cát sông cho đơn vị, tổ chức nào và cá nhân các ông, bà Nguyễn Phúc S, Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T để khai thác cát tại vị trí có tọa độ X = 1139249; Y = 0557595 thuộc thủy phận áp BH2, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Quá trình điều tra xác định, bị cáo S đã bị Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính 01 lần về hành vi khai thác khoáng sản là cát sông mà không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định số 0011052/QĐ-XPHC ngày 08/10/2020, xử phạt 15.000.000đ, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 09/10/2020.

Đối với Nguyễn Thành T: Vào ngày 07/4/2020 bị Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 25.000.000đ về hành vi khai thác khoáng sản

là cát sông mà không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định xử phạt số 1801/QĐ-XPVPHC, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 17/4/2020. Đến ngày 03/10/2021, anh T tiếp tục vi phạm nên được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3351/QĐ-XPVPHC ngày 03/12/2021 với số tiền là 120.750.000đ.

Đối với phương tiện sà lan BTr-7673 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Thành K. Anh K thuê Nguyễn Thành T đi lấy cát tại các mỏ thuộc tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Tiền Giang để bán lại cho người dân có nhu cầu san lấp và trả công cho T là 1.800.000 đồng/chuyến, T thuê thêm Nguyễn Phúc S đi cùng để phụ giúp và trả S 400.000 đồng/chuyến. Khi giao sà lan, ông K yêu cầu T tháo dỡ phần ống nhựa dùng để hút cát sông ra khỏi máy bơm hút cát, T có thực hiện, sau đó T tự ý lắp đặt lại để khai thác cát sông và điện thoại cho ông K biết, ông K yêu cầu T neo đậu sà lan tại bãi, không được khai thác cát sông. Vào ngày 03/10/2021, T và S tự ý dùng sà lan BTr-7673 để khai thác cát sông, không có xin phép ông K, ông K không biết việc này. Quá trình làm việc ông K cung cấp được tài liệu chứng minh quyền sở hữu sà lan BTr-7673 và lời khai của ông K phù hợp với lời khai của Nguyễn Thành T và Nguyễn Phúc S.

- Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố Nguyễn Phúc S về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phúc S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị T thống nhất với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát về toàn bộ sự việc khai thác cát sông trái phép diễn ra vào ngày 03/10/2021 và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Phúc S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

+ Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm h, i, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do thuộc diện hộ nghèo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 37,5m³ cát (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/01/2022).

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:*

Thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh đối với bị cáo S. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Phạm tội

lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bản thân bị cáo và gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo đang nuôi mẹ già và đứa cháu nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 51, 54, 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Phần tranh luận: Kiểm sát viên căn cứ Điều 02 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do bị cáo có 01 tiền sự nên chưa đủ điều kiện cho hưởng án treo. Người bào chữa cho bị cáo vẫn bảo lưu quan điểm và người tham gia tố tụng tại phiên tòa không tranh luận. Bị cáo không có tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo là xin được hưởng án treo để lo cho mẹ già và cháu của người chị ruột mà bị cáo đang nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có mâu thuẫn và còn phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Phúc S đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát sông trái phép vào ngày 08/10/2020 và chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 09/10/2020. Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/10/2021, Nguyễn Phúc S cùng Nguyễn Thành T (anh ruột S) và chị Nguyễn Thị T (vợ T) điều khiển sà lan biển kiểm soát số BTr-7673 từ bãi neo đậu tại xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long đến khu vực Vàm Cái Muối thì neo đậu lại và thả ống hút cát xuống sông tại tọa độ X = 1139249; Y = 0557595 thuộc thủy phận ấp BH2, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long để khai thác cát sông với khối lượng là 37,5m³ trị giá 2.250.000đ mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Phúc S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác tài nguyên mà còn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác. Bị cáo ý thức được hành vi khai thác khoáng sản là cát sông khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép

và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, đã vi phạm nguyên tắc hoạt động khoáng sản được quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Khoáng sản năm 2010. Trong vụ án này, nhằm thực hiện nghiêm chính sách của Nhà nước về khoáng sản để phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh; bảo đảm khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như các tổ chức, cá nhân nào có ý định thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép, đồng thời qua đó nhằm đấu tranh ngăn chặn và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân và gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, các tình tiết này được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên trong khi quyết định hình phạt cần cân nhắc xem xét cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

5.1. Đối với phương tiện sà lan BTr-7673 cùng các dụng cụ bơm hút (ống nhựa, động cơ dùng bơm hút, ống sắt), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã xử lý giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LH để trình Ủy ban nhân dân huyện LH xử lý vi phạm hành chính là phù hợp luật định.

5.2. Đối với 37,5m³ cát sông (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/01/2022), cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí:

Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nhưng không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

[8] Trong vụ án này, đối với hành vi khai thác cát sông của Nguyễn Thành T đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp luật định. Riêng chị Nguyễn Thị T không tham gia vào việc hút cát nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ là có cơ sở. Tuy nhiên, đối với tình tiết bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án là chưa phù hợp, vì tình tiết trong vụ án này là bị cáo thật thà khai báo và cũng đã được áp dụng. Đối với đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là chưa hợp luật định theo như trong phần tranh luận của Kiểm sát viên, hơn nữa loại tội này đang diễn ra rất phức tạp và đặc biệt là để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, chính trị tại địa phương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc S 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 37,5m³ cát sông (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/01/2022).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TANDCC+VKSNDCC;
- VKSND TVL;
- Cục THADS TVL;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- CQCSĐT CATVL;
- UBND nơi cú của bị cáo;
- Bị cáo, Người TGTT khác (nếu có);
- TAND TVL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa